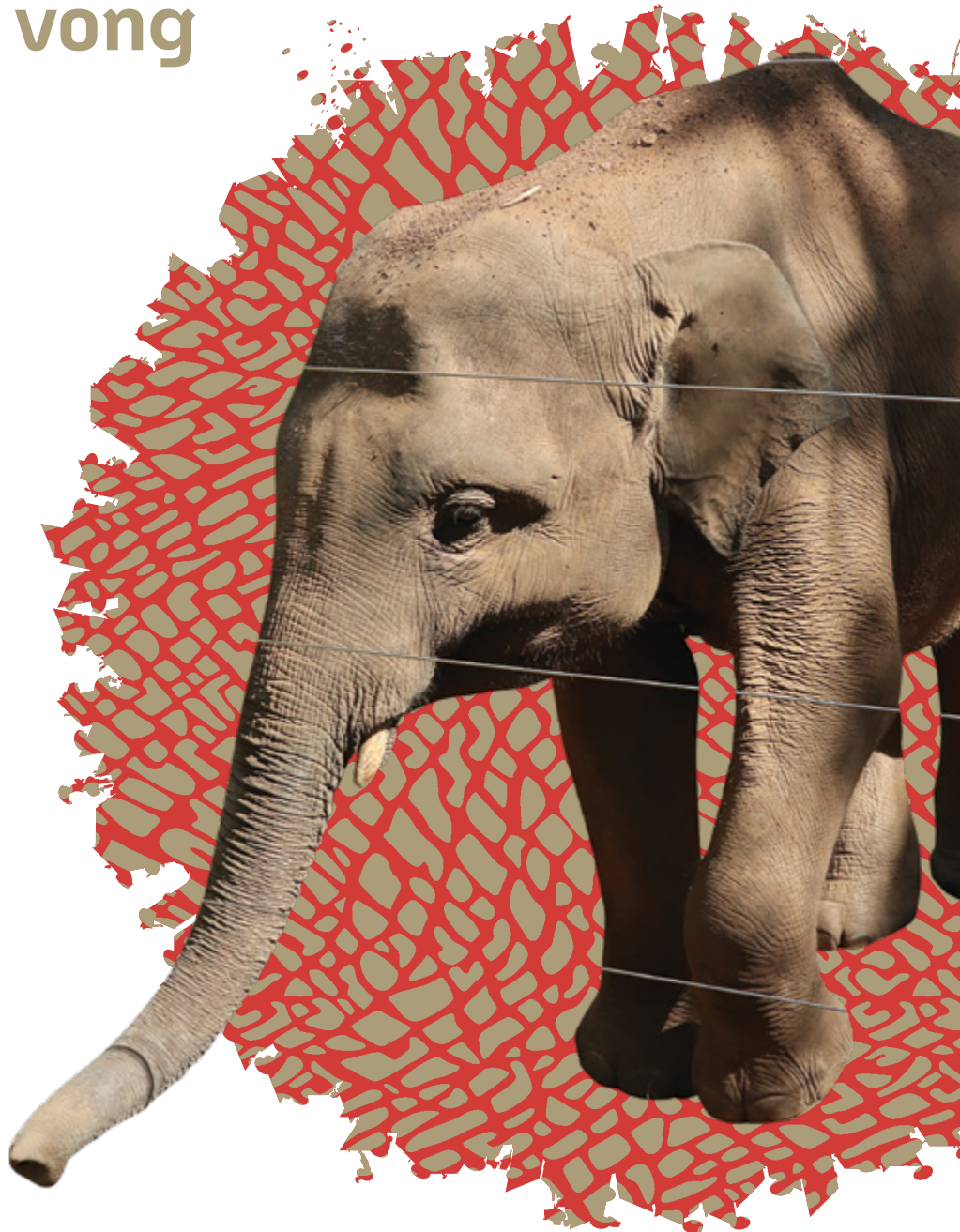


Voi Tây Nguyên:

Quần thể suy giảm đe dọa sự tồn vong



Nhóm biên soạn:
Dương Văn Thọ
Nguyễn Thúy Hằng
Hoàng Văn Chiên

Thiết kế & Sáng tạo:
Nghiêm Hoàng Anh - AKStar.vn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trung tâm Bảo tồn Voi Đăk Lăk, Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam, WWF Việt Nam, Asia Animals Foundation và USAID Saving Species đã cung cấp thông tin hỗ trợ quá trình thực hiện tài liệu này. Đặc biệt cảm ơn GS.TSKH. Đặng Huy Huỳnh (Hội Động vật học Việt Nam) và TS. Bảo Huy (Đại học Tây Nguyên) đã đóng góp ý kiến cho các nội dung chuyên môn.

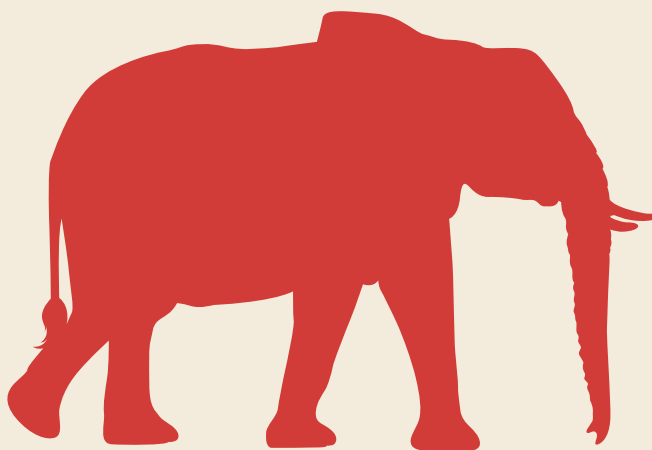
Tài liệu này được thực hiện với sự tài trợ của Liên minh Châu Âu trong khuôn khổ Dự án *Chung tay phòng chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã* do Tổ chức WCS và Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) thực hiện. Nội dung tài liệu do PanNature chịu trách nhiệm, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Liên minh Châu Âu và các đối tác.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của:



Mục lục

Lời giới thiệu	2
Voi giảm đáng báo động	4
Voi rừng mất sinh cảnh	7
Voi nhà bị khai thác quá mức và không thể sinh sản	11
Nhu cầu với ngà và lông đuôi đẩy voi vào nguy hiểm	14
Chính sách đã có nhưng triển khai bảo tồn chưa hiệu quả	20
Cần đẩy nhanh hoạt động bảo tồn voi trước khi quá muộn	24
Tài liệu tham khảo	27



Lời giới thiệu

Voi là loài vật gắn bó với người dân Tây Nguyên từ bao đời, được coi là một trong những biểu tượng văn hóa của vùng đất này. Trước đây Tây Nguyên là nơi có nhiều voi sinh sống, tuy nhiên do tác động của con người trong những năm gần đây, quần thể voi Tây Nguyên ngày càng suy giảm. Nếu không có những biện pháp bảo tồn quyết liệt và hữu hiệu hơn, thì có lẽ trong thời gian không xa nữa, hình ảnh đàn voi vốn thân thuộc với người Tây Nguyên sẽ chỉ còn trong tiềm thức.

Với thông tin tập hợp từ báo chí, cổng thông tin bộ ngành liên quan cũng như địa phương trong 5 năm trở lại đây, cùng kết quả khảo sát của các chuyến đi thực địa và phỏng vấn chuyên gia, tài liệu này phân tích thực trạng bảo tồn voi ở Tây Nguyên đồng thời đưa ra các khuyến nghị với hy vọng góp một phần cải thiện bức tranh bảo tồn voi ở Tây Nguyên.



Ảnh: Julie Larsen Maher/WCS



Ảnh: PanNature

Khu vực Tây Nguyên gồm năm tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng với tổng diện tích tự nhiên 54.641km², dân số 5,8 triệu người. Theo kết quả công bố hiện trạng rừng năm 2018, tổng diện tích có rừng của các tỉnh Tây Nguyên là 2.557.322 ha, tỷ lệ che phủ rừng toàn vùng đạt 46%. Tây nguyên là một trong những vùng có tính đa dạng sinh học rất cao của Việt Nam. Khu vực này có 6 vườn quốc gia, 5 khu bảo tồn thiên nhiên, 2 khu bảo tồn loài và sinh cảnh, có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm nằm trong Sách Đỏ của thế giới và Việt Nam.



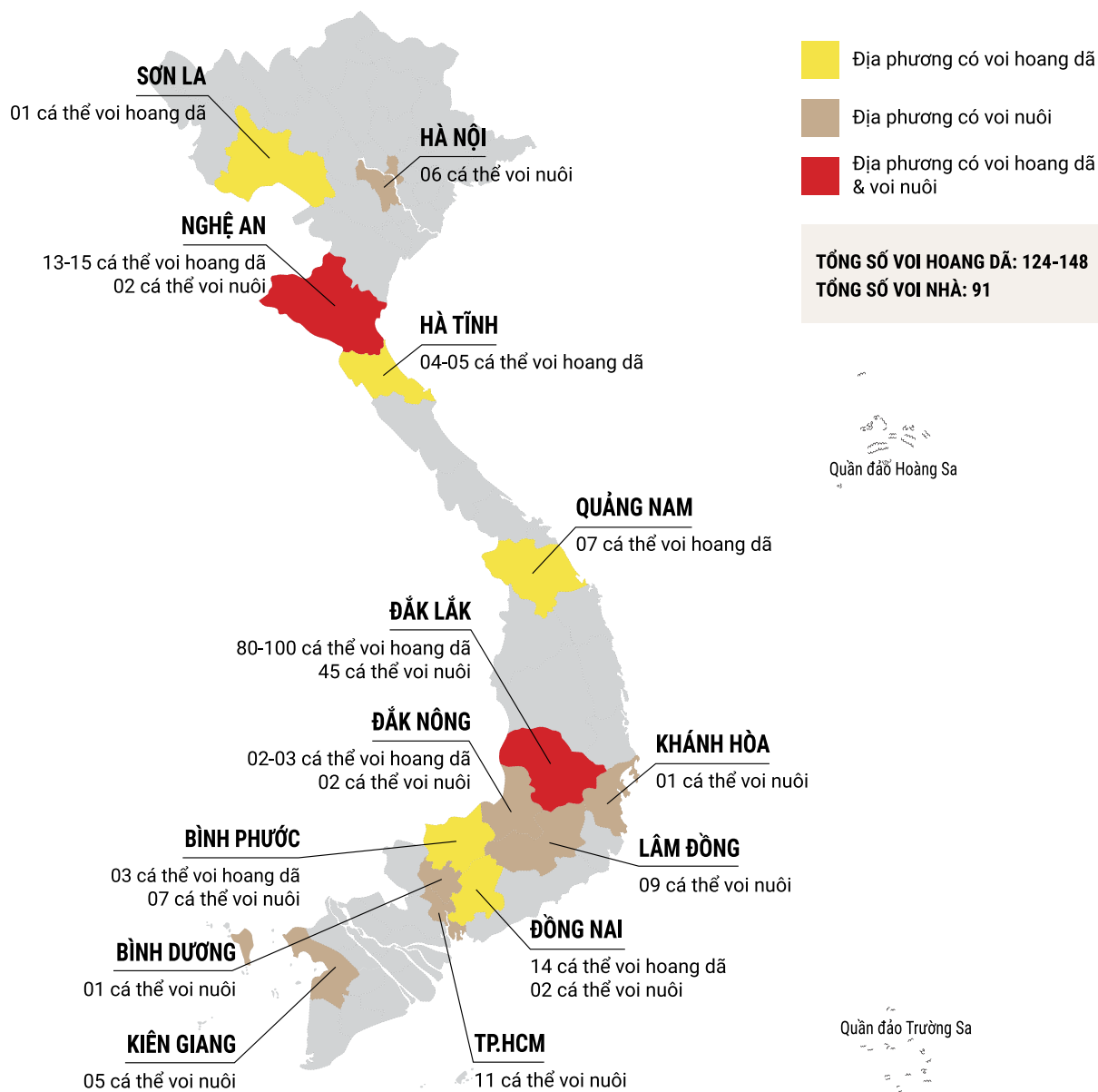
Ảnh: PanNature

Voi giảm đáng báo động

Phân loài voi sinh sống tại Việt Nam là voi Châu Á, được xếp vào bậc Nguy cấp trong danh mục sách Đỏ của IUCN, bậc Cực kỳ nguy cấp theo Sách Đỏ Việt Nam và nằm trong Phụ lục I của Công ước CITES.

Những năm trước đây voi có vùng phân bố khá rộng từ Lai Châu dọc dãy Trường Sơn tới Bình Phước, Tây Ninh và một số tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ như Bình Thuận, Ninh Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu. Tài liệu điều tra 2001 – 2002 cho thấy các tỉnh Lai Châu, Thanh Hóa, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Gia Lai, Lâm Đồng và một số nơi khác hầu như không còn, theo Sách Đỏ Việt Nam.

PHÂN BỐ VOI HOANG DÃ VÀ VOI NUÔI TẠI VIỆT NAM



Nguồn số liệu: Tổng hợp từ Báo cáo Kết quả thực hiện Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020” (Bộ NN&PTNT, 2018). Riêng số voi nuôi của Đắk Lắk, sử dụng số liệu năm 2018 từ Báo cáo Công tác Bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk 2012-2019 (Trung tâm Bảo tồn Voi Đắk Lắk, 2019).

Bản đồ: PanNature

Trong khoảng gần hơn 30 năm trở lại đây, số lượng voi Việt Nam nói chung và voi Tây Nguyên suy giảm nhanh theo từng năm. Những năm 1990, ước tính số voi hoang dã của Việt Nam còn khoảng 1.500 - 2000 cá thể (Anh, N. Q. H. và Lê Quốc Thiện, 2019). Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam chỉ còn khoảng 124 đến 148 cá thể voi hoang dã, phân bố trên 8 tỉnh bao gồm Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai và Bình Phước. Trong đó, chỉ có 3 sinh cảnh còn trên 10 cá thể voi là VQG Pù Mát và vùng phụ cận (tỉnh Nghệ An) còn 13 – 15 cá thể; VQG Cát Tiên, Khu BTNN và Văn hóa Đồng Nai, Công ty Lâm nghiệp TNHH MTV La Ngà (tỉnh Đồng Nai) còn 14 cá thể; và VQG Yok Đôn (tỉnh Đắk Lắk) còn khoảng 80-100 cá thể. Ở tỉnh có số lượng voi hoang dã lớn nhất cả nước là Đắk Lắk hiện có 5 quần thể: quần thể nhỏ nhất gồm 5-10 cá thể, quần thể lớn nhất có 32-36 cá thể, phân bố chủ yếu ở VQG Yok Đôn. (Bộ NN&PTNT, 2018).

Về voi nuôi (voi thuần dưỡng), theo thống kê năm 2018, cả nước có 91 voi nuôi tại 11 tỉnh thành¹. Trong khi con số này của năm 2000 là 165 (Bộ NN&PTNT, 2013). Nói riêng tỉnh Đắk Lắk, nơi được coi là “thủ phủ” của voi thuần dưỡng, số voi cũng giảm mạnh. Cụ thể, trong thời gian 1979 - 1980 tỉnh Đắk Lắk có 502 con voi thuần dưỡng; năm 1990 có 299 con; năm 1997 còn 169 con và năm 2000 chỉ còn 138 con, giảm 364 con trong vòng 20 năm (từ 1980 - 2000) (Bộ NN&PTNT, 2013). Đến năm 2018, con số voi nuôi của Đắk Lắk, giảm gần 100 cá thể so với năm 2000, chỉ còn 45.

Trên thế giới, các quần thể voi Châu Á đang suy giảm ở tất cả các nước, ước tính chỉ còn khoảng 35.000 - 50.000 cá thể voi hoang dã, và khoảng 15.000 cá thể voi thuần dưỡng, chiếm khoảng 10% so với quần thể loài voi Châu Phi. Phạm vi phân bố voi Châu Á gồm 13 nước. Trong đó, ngoài Việt Nam, các nước có số lượng voi đáng kể bao gồm: Ấn Độ có số lượng voi lớn nhất, khoảng 20.000 - 25.000 cá thể; Myanmar có khoảng 4.000-5.000 cá thể; Indonesia ước có 2.800 - 4.800 cá thể trên đảo Sumatra; Sri Lanka có 2.500 - 3.000 cá thể; Sabah có thể có 2.000- 3.000 cá thể; Thái Lan khoảng 2.000 cá thể; Lào khoảng 1.000 cá thể; bán đảo Malaysia có 1.000 cá thể. Các nước còn lại có quần thể voi rất nhỏ, phân bố rải rác (Bộ NN&PTNT, 2013).

1. Số liệu voi nuôi các tỉnh thành được tổng hợp từ Báo cáo Kết quả thực hiện Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020” (Bộ NN&PTNT, 2018). Riêng số voi nuôi của Đắk Lắk, sử dụng số liệu năm 2018 từ Báo cáo Công tác Bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk 2012-2019 (Trung tâm Bảo tồn Voi Đắk Lắk, 2019).

Voi rừng mất sinh cảnh

Theo các chuyên gia, để bảo tồn voi hoang dã, vấn đề sống còn là duy trì sinh cảnh của chúng. Thế nhưng, trong những năm qua, những cánh rừng già nguyên sinh, sinh cảnh cổ hữu của voi, đã và đang bị khai thác tràn lan, ngày càng suy giảm về diện tích, suy thoái về chất lượng hoặc bị xâm lấn bởi hoạt động của con người.

Theo kết quả kiểm kê rừng của Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT), trong bảy năm (từ năm 2008-2014) diện tích rừng tự nhiên tại Tây nguyên mất hơn 358.700ha, tương đương mỗi năm mất hơn 51.200ha rừng. Trong đó, rừng giảm 94.814ha (chiếm 26,4%) do chuyển đổi trồng cao su, cây công nghiệp và cây ăn quả; giảm 33.706 ha (chiếm 9,39%) do chuyển đổi xây dựng thủy điện, công trình giao thông và công trình công cộng và 88.603 (chiếm 24,6%) do phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương dẫy... (Trung Tân, 2015).

Ảnh: PanNature



Ảnh: Julie Larsen Maher/WCS

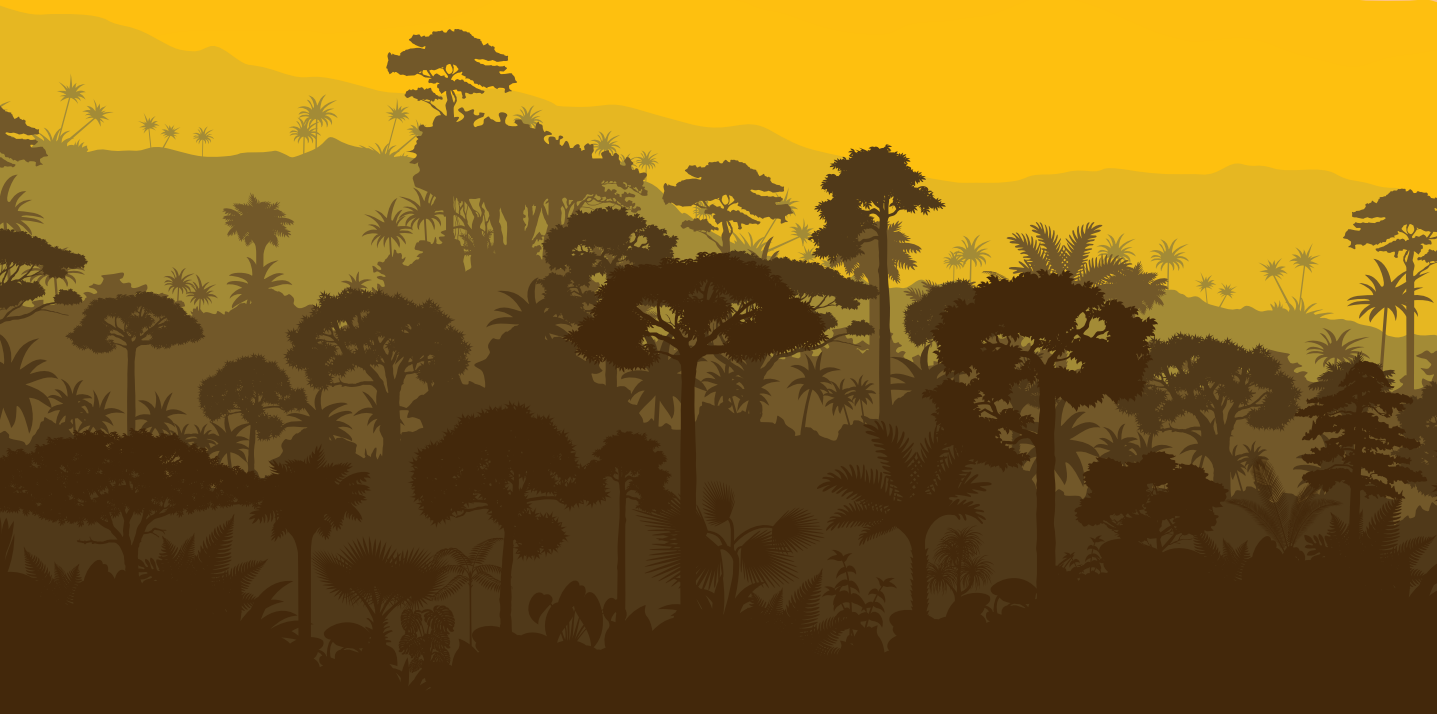
Từ khi có chủ trương của Chính phủ về quy hoạch phát triển cao su tại Tây Nguyên vào năm 2009, theo thống kê chưa đầy đủ, các tỉnh Tây Nguyên đã cấp phép đầu tư cho 700 dự án (trồng rừng, cải tạo, trồng cao su...) trên đất lâm nghiệp với diện tích hơn 215.720 ha. Trong đó, riêng tỉnh Đắk Lắk đã cho 90 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh vào khảo sát, lập 104 dự án đầu tư trồng rừng, trồng cao su và một số loại cây nông lâm nghiệp khác. Chỉ tính riêng từ năm 2008 đến tháng 9-2012, toàn tỉnh có khoảng 10.000 ha rừng bị tàn phá và lấn chiếm, trong đó gần 3.000 ha rừng và đất lâm nghiệp thuộc quản lý của các dự án (Đàm Thuận, 2012)

Một số dự án thủy điện khi đi vào hoạt động cũng ảnh hưởng không nhỏ đến đàn voi hoang dã. Số liệu của Sở Công thương Đắk Lắk cho thấy sông Sêrêpôk có 6 con đập lớn tạo hồ chứa cho các nhà máy thủy điện chắn ngang dòng là Buôn Tuôr Sar, Buôn Kuôp, Hòa Phú, Đray H'ling, Sêrêpôk 3, Sêrêpôk 4. Riêng thủy điện Sêrêpôk 4A lấy nước từ dòng chính Sêrêpôk dẫn sang kênh tạo cao trình trước khi đổ xuống tuabin nhà máy, rồi chảy theo kênh đào 4km nữa trước khi trả lại sông. Đoạn sông cong bị mất dòng do thủy điện S4A dài khoảng 20 km, vốn là một phần ranh giới tự nhiên của Vườn Quốc gia Yok Đôn. Các thủy điện trên sông Sêrêpôk làm thay đổi dòng chảy, kéo theo sự thay đổi sinh cảnh ven sông, thu hẹp không gian sinh tồn của loài voi và ảnh hưởng đến các “hồ nước” vốn rất quan trọng với tập tính sinh tồn của loài voi, nhất là vào mùa khô.

Việc voi bị mất sinh cảnh, nguồn thức ăn và hành lang di chuyển làm nảy sinh những xung đột nghiêm trọng, thậm chí nguy hiểm giữa voi và con người. Với tập tính di chuyển rộng, voi đi qua các vùng trồng trọt, phá hoa màu, phá lán trại gây thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân. Các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng cũng chịu thiệt hại do voi, theo thói quen, vẫn tiếp tục di chuyển qua những nơi từng là hành lang di chuyển của chúng. Vì vậy, những năm gần đây, ở Tây Nguyên thường xuất hiện tình trạng voi hoang dã bỏ rừng kéo về phá nương rẫy để kiếm ăn, gây nguy hại đến tài sản và tính mạng của con người. Điển hình như năm 2013, đàn voi rừng khoảng 17 cá thể đã kéo về cách trung tâm huyện Ea Súp 5 km gây rối. Tại xã Ea H' Lê, huyện Ea H'leo, trước năm 2012, voi rừng thường xuyên về phá hoại hoa màu của người dân. Tuy nhiên, thời gian gần đây không còn thấy voi xuất hiện. Nguyên nhân là do khu vực này đã được nhà nước giao cho các công ty lâm nghiệp. Các công ty này đã tiến hành khai hoang rừng làm nhiều loạn sinh cảnh khiến voi bỏ đi nơi khác.



Ảnh: Julie Larsen Maher/WCS



Từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2018, voi đã làm thiệt hại khoảng 100 ha cây trồng các loại cũng như một số chòi rẫy, công cụ, dụng cụ sản xuất nông nghiệp của nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn. Voi rừng tấn công làm chết 01 voi nhà và làm bị thương nhiều voi nhà thả kiếm ăn trong rừng. Từ năm 2011 đến 2016, voi làm chết 1 người dân huyện Ea Hleo và 1 người dân huyện Ea Súp, làm bị thương một người dân huyện Ea Súp (Trung tâm Bảo tồn Voi Đắk Lắk, 2019).



Trong các khu vực có voi rừng sinh sống hiện nay, chỉ vùng lõi của VQG Yok Đôn là ít bị con người tác động. Trong khi đó, hàng chục ngàn ha rừng ở khu vực phía Tây Bắc huyện Ea Súp, vốn là môi trường sống lý tưởng của voi rừng, lại bị tình giao cho các doanh nghiệp để trồng cao su.

PGS.TS Bảo Huy - Khoa Lâm nghiệp Trường ĐH Tây Nguyên,
Trưởng nhóm nghiên cứu đề án Bảo tồn voi Đắk Lắk





Voi nhà bị khai thác quá mức và không thể sinh sản

Nài voi Y Múch Buá và chú voi được VQG Yok Don giao chăm sóc trong mô hình du lịch trải nghiệm cùng voi.

Ảnh: PanNature

Việc khai thác voi đã thuần dưỡng, còn gọi là voi nhà, để phục vụ du lịch hay cung cấp sức lao động cũng là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng tới quần thể loài.

Khảo sát của tổ chức Asia Animal Foundation tại Khu du lịch Buôn Đôn và Khu du lịch hồ Lak cho thấy voi ở đây phải làm việc từ 6-8 tiếng đồng hồ/ngày, thường phải chở 2-3 khách mỗi tour vượt sông Sêrêpôk hoặc đi dạo VQG Yok Đôn. Vào dịp lễ Tết, voi còn phải chở nhiều lượt khách hơn mà không được nghỉ ngơi. Giá mỗi tour cưỡi voi khoảng 400.000-600.000 đồng, được chia đều cho đơn vị thuê và chủ voi. Do lợi nhuận trước mắt khá cao nên các chủ voi và đơn vị thuê voi vẫn khai thác sức voi vô tội vạ để làm du lịch trong khi xem nhẹ sức khỏe và sự tổn vong của voi.

Theo số liệu của Trung tâm Bảo tồn Voi Đăk Lăk, hơn nửa trong số 45 voi nhà voi nhà của tỉnh Đăk Lăk hiện vẫn còn ở độ tuổi từ 35 đến 50 tuổi. Tuy nhiên, tất cả đều chịu cảnh xiềng xích. Phần lớn trong số này thuộc các hộ cá thể, ngày ngày phải chở khách tham quan du lịch, hoặc vận chuyển hàng hóa nông sản. Con nào cũng chịu cảnh mất chót đuôi, ngà thường xuyên bị cưa ngắn để tránh nguy cơ bị trộm sát hại.

Một nài voi ở Khu du lịch Buôn Đôn cho biết, trước đây voi nhà rất ít khi bị nhốt một chỗ và phải làm việc liên tục như bây giờ. Phần lớn thời gian sinh sống của voi đều được chủ thả trong rừng cùng với quần thể voi nhà khác để tự kiếm ăn, khi nào có việc cần đến voi giúp sức như chở lúa, bắp, hay kéo một vài khúc gỗ về dựng nhà... thì chủ mới gọi voi về. Hiện nay, do nhu cầu của du khách nên những chủ voi trên địa bàn xã Krông Na đều liên kết tham gia làm du lịch tại Khu du lịch sinh thái Buôn Đôn.



Ảnh: PanNature

Voi bị xiềng xích còn do trong rừng có rất nhiều hiểm họa. Những kẻ săn trộm luôn rình rập tấn công voi để chặt đuôi, cắt ngà. Rừng ngày càng thu hẹp, voi phải đi xa hơn mới kiếm được thức ăn và nếu không may sập vào bẫy thú sẽ rất nguy hiểm. 2 trong số 3 cá thể được Trung tâm Bảo tồn Voi Đăk Lăk cứu hộ là do dính những vết thương từ mắc bẫy do các đối tượng đặt trong rừng.

Ông Nguyễn Công Chung, Phó giám đốc Trung tâm Bảo tồn Voi Đăk Lăk cho biết, voi nhà thuộc quyền sở hữu của các gia đình nên họ tùy ý chăm sóc, khai thác sức khỏe của voi. Hiện nay, Trung tâm chỉ có thể mời các hộ lên tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và phát thuốc. Trong khi đó, khả năng nhân đàn dường như không thể xảy ra do phần lớn voi nhà đã lớn tuổi (trên 35 tuổi) và không có môi trường cho voi giao phối (Bảo Trung, 2019).

Theo dự án bảo tồn voi Đăk Lăk, chủ voi sẽ được trả tiền khi voi đẻ con. Nhưng gần 30 năm qua, khả năng sinh sản của voi nhà Đăk Lăk có tỷ lệ gần như bằng 0 vì môi trường cho việc gặp gỡ, giao phối của voi bị hạn chế bởi chủ voi thường quản lý voi độc lập, ít thả voi sống cùng nhau (Văn Thành, 2015). Chính việc quản lý voi theo hộ cá thể và theo cách của các công ty du lịch đã gây trở ngại cho việc sinh sản của đàn voi nhà. Thậm chí, sau nhiều nỗ lực của các bên đã có 3 cá thể voi nhà mang thai, tuy nhiên cả 3 voi con đều tử vong sau khi sinh ra do voi mẹ lớn tuổi và sinh sản lần đầu khiến voi con chết ngạt trong đường sinh dục. Gần đây nhất, ngày 2/2/2020, voi mẹ Băk On (38 tuổi), voi nhà duy nhất mang thai ở thời điểm đó, đã không “vượt cạn” thành công với cùng lý do.

Bên cạnh đó, tuổi tác cũng đang là vấn đề đối với việc sinh sản của đàn voi nhà ở Đắk Lắk. Theo thống kê, Đắk Lắk hiện còn 45 cá thể voi nhà, trong đó có 16 voi cái có khả năng sinh sản nhưng đa phần đã trên 35 tuổi, trong khi độ tuổi lý tưởng để voi sinh sản là từ 12 đến 30 tuổi. Nếu không nhanh chóng tìm ra phương pháp phù hợp thì chỉ khoảng 5 năm nữa, khả năng sinh sản của voi nhà càng khó khăn hơn (Thái Bá Dũng, 2016).



Voi nhà Đắk Lắk vốn là voi rừng được săn bắt và thuần dưỡng, nên chúng vẫn giữ nguyên những thói quen hoang dã. Nhu cầu về thức ăn trong ngày của một cá thể voi nhà rất lớn (khoảng 3 tạ cỏ và hàng trăm lít nước). Voi còn có thói quen ăn và uống nước lai rai liên tục từ 70% - 80% thời gian trong ngày. Khi về buôn làng, voi phải phục vụ cho nhu cầu du lịch của con người, khẩu phần ăn lại thấp, mắc bệnh nhưng không được chữa trị kịp thời. Bởi thế, voi nhà cứ ngày càng suy giảm.

Ông Phạm Văn Láng - Phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Voi Đắk Lắk.



Không được ăn uống đầy đủ, lại bị khai thác phục vụ du lịch quá sức, cộng với những mối hiểm họa từ thiên nhiên và con người, số lượng voi nhà ở tỉnh Đắk Lắk đang suy giảm nghiêm trọng. Từ năm 2012 đến nay đã có 10 cá thể voi nhà bị chết với các nguyên nhân như già yếu, kiệt sức, bị sát hại, tai nạn và voi rừng tấn công (Trung tâm Bảo tồn Voi Đắk Lắk, 2019).

Từ năm 2018, Vườn Quốc gia Yok Đôn (huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk) được Tổ chức Động vật Châu Á (Animals Asia Foundation) hỗ trợ 65.000 USD trong thời gian 5 năm để chuyển đổi mô hình du lịch cưới voi sang mô hình du lịch thân thiện với voi. Mô hình này là hình thức vào rừng thăm quan, tìm hiểu các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày của voi. Du khách được ngắm voi từ xa, theo dõi voi ăn, tắm, ngủ, đi dạo cùng voi trong rừng... Bên cạnh đó, các hoạt động du lịch truyền thống, trực tiếp tác động đến voi như cưới, tiếp xúc trực tiếp với voi sẽ bị cấm, để tránh ảnh hưởng đến voi. (Nguyễn Tuấn Anh, 2018).

Móc sắt nài voi dùng để điều khiển voi nhà.
Ảnh: PanNature





Ảnh: Pawan Sharma/Unsplash

Nhu cầu với ngà và lông đuôi đẩy voi vào nguy hiểm

Nhu cầu của con người về ngà voi, lông đuôi voi làm đồ trang sức đang thúc đẩy nạn săn bắt trái phép voi để lấy ngà và các bộ phận. Các tổ chức bảo tồn lớn trên thế giới coi buôn bán ngà và các sản phẩm từ voi là nguy cơ lớn bậc nhất, đe dọa xóa sổ loài này.

Một nghiên cứu xuất bản năm 2016 của tổ chức Save the Elephants nêu rõ, trong 49 cửa hàng họ khảo sát tại Buôn Ma Thuột có tới 24 cửa hàng bày bán ngà và các sản phẩm từ voi với tổng số 1965 mặt hàng có “các nhãn viết bằng tiếng Việt ghi rõ nguyên liệu cũng như giá cả”. Khảo sát tại Buôn Đôn của tổ chức này cũng cho thấy 16/23 cửa hàng đồ gỗ truyền thống có bày bán tổng số 703 món đồ lưu niệm bằng ngà hoặc được làm từ các bộ phận khác của voi, giá bán từ khoảng 200 nghìn đến 8 triệu đồng mỗi món (Vigne, U. và Martin, E., 2016).

Khảo sát thị trường buôn bán ngà voi trái phép của Traffic năm 2017 cũng cho thấy “Các cửa hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM), Buôn Ma Thuột và Bản Đôn có số lượng mặt hàng bày bán cao nhất, một số cửa hàng bày bán hơn 150 sản phẩm ngà voi/ cửa hàng. Hai khu vực (Bản Đôn và Lắc) có số lượng cửa hàng bày bán ngà voi thấp nhưng số lượng mặt hàng ngà voi bày bán cao” (Nguyễn, M., Indenbaum, R. và Willemsen, M., 2018).

Cho đến nay, dù các cơ quan chức năng có ra quân truy quét, tình hình buôn bán sản phẩm từ voi vẫn chưa được cải thiện đáng kể.

Không chỉ trên thực địa, buôn bán ngà voi và các sản phẩm từ voi trên mạng khá công khai và phổ biến. Chỉ cần gõ cụm từ “mua bán ngà voi” sẽ cho 6.860.000 kết quả chỉ trong 0,41 giây; cùng với đó là hàng hà sa số các trang web rao bán ngà voi với đủ các dịch vụ chế tác sản phẩm đi kèm.

Khảo sát của tổ chức bảo tồn ĐVHD WildAct cho thấy, chỉ trong vòng 6 tháng từ giữa năm 2015 đến đầu năm 2016, đã có gần 21.000 sản phẩm từ voi, bao gồm ngà và lông đuôi voi đã bị rao bán trên mạng xã hội. Phổ biến nhất là đồ trang sức trạm khắc từ ngà voi, chiếm 69% sản phẩm từ ngà voi được quảng cáo trên Facebook. Đặc biệt, đuôi voi, hoặc lông đuôi voi được quảng cáo trên tất cả những tài khoản Facebook có rao bán ngà voi (PanNature, 2018).



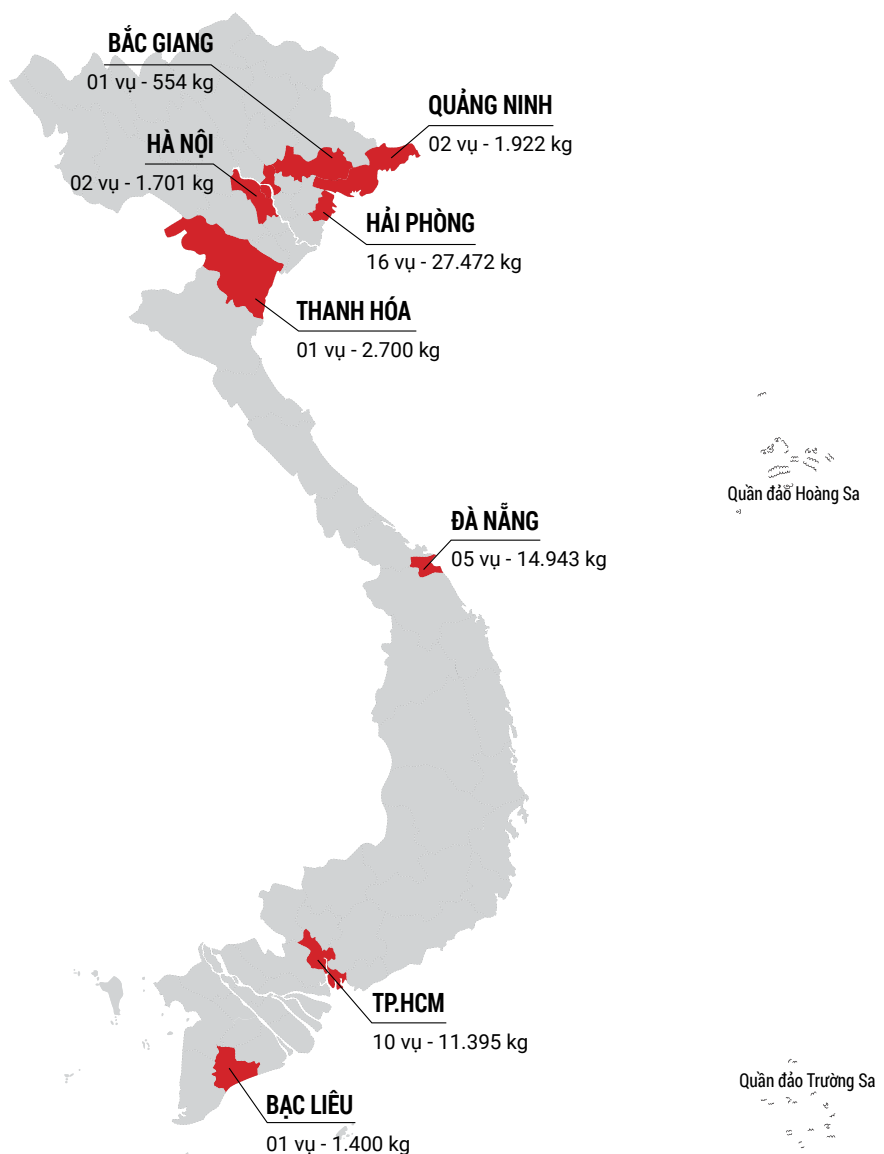
Các loại bẫy mà lực lượng kiểm lâm VQG Yok Don thu giữ được. Ảnh: PanNature



Lông đuôi voi bày bán tại một cửa hàng ở Khu Du lịch Buôn Đôn. Ảnh: PanNature

Các chuyến thực địa của Trung tâm Con người và Thiên nhiên trong năm 2019 ghi nhận tình trạng ngang nhiên rao bán ngà voi và sản phẩm từ ngà voi ở một số tỉnh Tây Nguyên. Ngay tại thủ phủ voi Việt Nam là tỉnh Đắk Lắk, đồ trang sức ngà voi và các sản phẩm từ voi được bày bán khá công khai tại khu du lịch Buôn Đôn. Tại một số cửa hàng lưu niệm trên địa bàn TP Buôn Mê Thuột, chỉ cần hỏi là người bán sẽ đưa hàng loạt các sản phẩm như vòng, nhẫn, tẩu thuốc, lược bằng ngà và xương voi, ví, trống, thắt lưng bằng da voi cho khách du lịch lựa chọn. Nếu khách có nhu cầu về ngà nguyên khúc, nguyên chiếc thì bên bán sẽ liên lạc và chào hàng qua mạng xã hội. Thậm chí tại sảnh tầng 1 khách sạn 4 sao Sài Gòn – Ban Mê, các sản phẩm từ voi chiếm gần trọn một quầy lưu niệm. Ở Dinh III Bảo Đại (Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng), sản phẩm nhẫn lông đuôi voi cũng được bày bán ngang nhiên mà chưa được cơ quan chức năng xử lý, dù báo chí đã nhiều lần phản ánh.

CÁC VỤ BẮT GIỮ NGÀ VOI QUY MÔ HƠN 500 KG GIAI ĐOẠN 1/2000-3/2019 TẠI VIỆT NAM



Bản đồ được thực hiện dựa trên dữ liệu về các vụ bắt giữ ngà voi quy mô lớn (từ 500kg) của Cơ quan Điều tra Môi trường (EIA). Dữ liệu được thu thập từ các nguồn tin công khai, do đó có thể chưa phải dữ liệu đầy đủ về các giao dịch bất hợp pháp trong giai đoạn 2000 - 3/2019 trên thực tế.

Theo dữ liệu, Việt Nam có 38 vụ bắt giữ, chiếm 22% tổng số các vụ bắt giữ quy mô lớn trên thế giới, vượt qua Trung Quốc trở thành điểm đến hàng đầu thế giới của ngà voi bất hợp pháp. EIA nhận định Việt Nam là điểm trung chuyển và điểm đến ưa thích của các đối tượng buôn bán ngà voi do thực thi pháp luật còn yếu và có tình trạng tham nhũng. Phần lớn các vụ bắt giữ quy mô lớn ở Việt Nam diễn ra tại cảng Hải Phòng (15 vụ), tuy nhiên vụ bắt giữ lớn nhất, lên đến hơn 9 tấn, lại ở Đà Nẵng.

Bản đồ: PanNature



Trang sức từ ngà voi và các bộ phận của voi. Ảnh: PanNature

Thực tế là phần lớn ngà voi buôn lậu vào Việt Nam có nguồn gốc từ nước ngoài, chủ yếu là từ châu Phi, chỉ một phần nhỏ là có nguồn gốc từ voi bản địa (Vigne, U. và Martin, E., 2016). Tuy nhiên, với danh tiếng là “thủ phủ voi” của Việt Nam, du khách đến Tây Nguyên thường có tâm lý muốn mua một sản phẩm nào đó liên quan đến voi. Có cầu ắt có cung, việc tiêu thụ sản phẩm từ voi ở đây sẽ thúc đẩy nạn săn trộm ở các nước có voi, tác động tiêu cực đến quần thể voi thế giới. Hơn nữa, khi việc nhập khẩu ngà và xác voi gặp khó khăn do hải quan Việt Nam và các nước siết chặt trong khi nhu cầu vẫn cao thì tất yếu những kẻ buôn bán sẽ nhòm ngó đến đàn voi Tây Nguyên, cả voi hoang dã và voi nhà. Trong tình trạng quần thể voi đang suy giảm thì đây sẽ là “giọt nước làm tràn ly”, đẩy voi Tây Nguyên vào cảnh nguy cấp hơn nữa.

Với giá nhiều chục triệu đồng/kg, lợi nhuận mang lại từ buôn bán ngà voi và các sản phẩm từ voi rất lớn nên các “voi tặc” ngày càng mạnh động. Ngày 14/7/2015, voi tặc đã vào tận VQG Yok Đôn cưa trộm ngà của con voi Thoong Ngân được xích chân và thả vào VQG để tự kiếm thức ăn (Trương Thúy Hằng, 2015).

Theo thống kê của Trung tâm Bảo tồn voi Đắk Lắk, trong vòng 6 năm từ 2012 - 2018, tại Đắk Lắk đã có ít nhất 18 voi rừng chết do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân bị con người sát hại để lấy ngà và các bộ phận. Nghiêm trọng nhất là vụ việc chỉ trong vòng một tuần (từ 26/3 đến 31/3/2012) trên địa bàn huyện Ea Súp, Đắk Lắk 3 con voi hoang dã được phát hiện bị chết và nhiều bộ phận của chúng đã bị lấy đi (Thái Bá Dũng, 2012).

Thậm chí voi nhà cũng không thoát khỏi số phận bị giết để lấy ngà. Năm 2010, voi nhà Pắc Kú ở bìa rừng khu du lịch Thác Bảy Nhánh, tỉnh Đắk Lắk bị tấm xăng đốt và bị chém tới hàng trăm nhát dao để lấy ngà. Giữa năm 2015, một vụ cưa trộm ngà voi lại xảy ra khiến một cá thể voi nhà thuộc sở hữu của VQG Yok Đôn mất một chiếc ngà. (Thái Bá Dũng, 2015) Một cá thể voi nhà



Trang sức từ ngà voi và các bộ phận của voi. Ảnh: PanNature

khác ở huyện Buôn Đôn bị giết chết, gia chủ đem chôn nhưng ngay sau đó kẻ xấu đã đào mồ voi lên lấy xương để chế tác đồ lưu niệm. Ông Đàm Năng Long ở huyện Lắk, người sở hữu đàn voi nhà nhiều nhất Tây Nguyên hiện nay, cho biết đã phải bí mật chôn voi xuống hồ nước để kẻ xấu không tìm ra mộ voi (Lam Quân, 2019).

Báo chí liên tục đưa tin về các vụ bắt giữ ngà voi lậu. Trong đó, đặc biệt nghiêm trọng là vụ việc ngày 26/3/2019, Cục Hải quan TP. Đà Nẵng phát hiện hơn 9,1 tấn hàng hóa nghi là ngà voi được cất giấu, ngụy trang trong các thanh gỗ xẻ. Đây được coi là vụ bắt giữ ngà voi với khối lượng lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam và trên thế giới cũng chưa từng có vụ bắt giữ ngà voi với trọng lượng tang vật lớn như vậy (Thái Bình, 2019).

Từ đầu năm 2010 đến cuối năm 2018, Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên Việt Nam (ENV) ghi nhận khoảng 150 vụ việc vi phạm về ngà voi với tổng khối lượng ngà voi bị thu giữ lên đến hơn 53 tấn. Đặc biệt, có đến hơn 30 vụ vận chuyển ngà voi bị bắt giữ, khối lượng ngà voi thu giữ lên tới hơn 500kg/vụ, chủ yếu phát hiện tại khu vực cửa khẩu, cảng biển. Điều đáng nói là hầu hết các vụ án đều không bắt được đối tượng nhận hàng, dù các đơn hàng gửi từ nước ngoài về qua đường hàng không hoặc đường biển đều có địa chỉ người nhận. (Hùng Võ, Văn Hoàng, 2019).

Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm pháp luật về động vật hoang dã ở Việt Nam từ năm 2013 – 2017 của WCS cho thấy, giai đoạn từ tháng 01/2013 đến 12/2017, tổng trọng lượng ĐVHD và sản phẩm từ ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật phát hiện, bắt giữ là hơn 41 tấn, trong số này, khối lượng ngà voi chiếm số lượng lớn nhất với 23,55%, tương đương với 9.732/41.328 kg (WSC, 2018).

Các văn bản pháp luật và quy định liên quan đến quản lý, xử lý các hành vi buôn bán, tàng trữ các sản phẩm từ voi:

- Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 - Điều 234 và 244.
- Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp CITES.
- Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
- Nghị định 64/2019/NĐ-CP sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013 về tiêu chí xác định loài quý hiếm.
- Nghị định 35/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.
- Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Nghị định 40/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản .
- Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành.
- Thông tư 29/2019/TT-BNNPTNT quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp nhà nước.
- Thông tư 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/2/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- Quyết định 11/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật một số loài ĐVHD thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- Công văn 2140/VKSTC-V3 ngày 08/06/2016 về việc phục hồi xử lý các vụ án, vụ việc tàng trữ, vận chuyển trái phép ngà voi, sừng tê giác.



Chính sách đã có nhưng triển khai bảo tồn chưa hiệu quả

Ảnh: Julie Larsen Maher/WCS

Bảo tồn voi là vấn đề được Việt Nam quan tâm, thể hiện qua các chương trình, đề án, kế hoạch hành động bảo tồn voi từ rất sớm. Tuy nhiên, những nỗ lực này được đánh giá là vẫn chưa đủ để ngăn đà suy giảm của quần thể voi.

Từ những năm 90, theo Quyết định số 1204/NN-LN-QĐ ngày 16/7/1996 của Bộ NN&PTNT, Chương trình hành động bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 1996 -1998 đã được thực hiện. Theo đó, mục tiêu của chương trình là bảo tồn voi tại các vùng trọng điểm tỉnh Đắk Lắk thông qua các hoạt động như rà soát lại hệ thống rừng đặc dụng, xây dựng mới các khu bảo tồn thiên nhiên, tăng cường đầu tư, trợ giúp kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho nơi sống của voi; xây dựng, bổ sung những quy định pháp luật nhằm ngăn chặn việc săn bắt, mua bán động vật hoang dã và các sản phẩm liên quan; chỉ đạo các địa phương giải quyết cụ thể những vụ xung đột voi với người; tuyên truyền bảo tồn voi trên phương tiện thông tin đại chúng... (Bộ NN&PTNT, 2013).

Nối tiếp là Kế hoạch hành động khẩn trương bảo tồn voi đến năm 2010 theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 16/05/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Sau 5 năm triển khai thực hiện, Kế hoạch này cũng thu được một số kết quả, trong đó có việc xây dựng hoàn thiện Dự án bảo tồn voi tại các tỉnh có số lượng quần thể voi lớn nhất là Đắk Lắk, Đồng Nai và Nghệ An; đồng thời thành lập Trung tâm bảo tồn voi Đắk Lắk nhằm hỗ trợ công tác chăm sóc, hỗ trợ sinh sản cho đàn voi. (Bộ NN&PTNT, 2013).

Tiếp đến, năm 2012 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 29/7/2012 về Phê duyệt Kế hoạch hành động khẩn cấp đến năm 2020 để bảo tồn voi ở Việt Nam. Tháng 5/2013, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020” tại Quyết định số 763/QĐ-TTg, với tổng kinh phí khái toán 278 tỷ đồng, từ ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ (Thủ tướng Chính phủ, 2013). Theo Bộ NN&PTNT, tính đến năm 2018, sau 3 năm thực hiện, Đề án đã đạt được một số kết quả như tình trạng săn bắn, giết hại voi giảm; số lượng cá thể voi có tín hiệu phát triển tăng; xung đột voi/người cũng được hạn chế. (Bộ NN&PTNT, 2018).

Ở cấp địa phương, Đắk Lắk vào cuộc khá sớm, năm 2010, UBND tỉnh phê duyệt Dự án Bảo tồn voi tại Đắk Lắk giai đoạn 2010-2015 với tổng kinh phí 61 tỷ đồng. Dự án được triển khai nhằm quản lý bền vững quần thể voi hoang dã, phát triển đàn voi nhà, bảo tồn bản sắc văn hoá bản địa, tuyên truyền giáo dục về môi trường sinh thái. Đến năm 2013, UBND tỉnh phê duyệt “Dự án khẩn cấp bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020” với tổng kinh phí gần 85 tỷ đồng (thay cho Dự án trước đó).

Một số văn bản liên quan chính sách bảo tồn voi Việt Nam:

- Chương trình hành động bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 1996 -1998 theo Quyết định số 1204/NN-LN-QĐ ngày 16/7/1996 của Bộ NN&PTNT
- Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 16/05/2006 phê duyệt Kế hoạch hành động khẩn trương đến năm 2010 để bảo tồn voi.
- Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 19/7/2012 phê duyệt kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn voi.
- Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/5/2013 phê duyệt Đề án tổng thể bảo tồn Voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020.
- Quyết định số 2329/QĐ-BNN-TCLN ngày 9/10/2013 phê duyệt Dự án “Khẩn cấp bảo tồn voi và nâng cao năng lực kiểm soát buôn bán ngà voi ở Việt Nam đến năm 2020”.



Tôi cho là phần giám sát thực thi chính sách bảo tồn voi chưa tốt. Giám sát chưa tốt nên sinh cảnh cho voi mới bị phá, tình trạng buôn bán ngà và các sản phẩm từ voi vẫn tràn lan như báo chí nêu mà không thấy ai chịu trách nhiệm. Cần gán trách nhiệm người đứng đầu các địa phương có voi với việc để mất voi.

GSTS Đặng Huy Huỳnh - Chủ tịch Hội Động vật học Việt Nam.



Theo nhận xét của các chuyên gia, so với nhiều loài khác, chính sách bảo tồn voi thể hiện rõ cam kết của nhà nước khi bố trí cả nguồn lực tài chính và con người, nhưng hiệu quả chưa cao vì nhiều nguyên nhân. Thứ nhất là thiếu dữ liệu đầu vào. Cho đến nay, các cơ quan bảo tồn vẫn chưa có số liệu chính xác về quần thể voi Tây Nguyên. Phương pháp thống kê số lượng voi chủ yếu qua quan sát bằng mắt thường hoặc dấu chân và chưa có kinh phí để sử dụng phương pháp phân tích ADN (ước tính trung bình 3000 USD/mẫu). Theo thông tin từ Trung tâm Bảo tồn Voi Đăk Lăk và VQG Yok Đôn, một số trường đại học nước ngoài và một vài tổ chức bảo tồn quốc tế sẵn sàng hỗ trợ tài chính để phân tích ADN voi nhưng kinh phí chỉ đủ cho số lượng mẫu không lớn nên số liệu không thể toàn diện.

Thứ hai, các chính sách vẫn theo hướng đơn nhất, chưa huy động được sự vào cuộc của chính quyền các cấp từ xã, huyện, tỉnh và đặc biệt của các chủ rừng gồm các công ty lâm nghiệp, ban quản lý các rừng phòng hộ, cộng đồng người dân địa phương. Người dân ở các khu vực có voi sinh sống thường nghèo, sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng, canh tác nông nghiệp trong hoặc gần rừng, khó có thể yêu cầu họ phải có ý thức bảo tồn voi khi chưa có chính sách hỗ trợ sinh kế (ví dụ như hỗ trợ chuyển đổi cây trồng sang những loài không phải là thức ăn ưa thích của voi) (Anh, N. Q. H. và Lê Quốc Thiện, 2019).

Thứ ba, việc phối hợp thực thi chính sách giữa các cơ quan quản lý chưa ăn khớp. Từ khi một quyết định chính sách được ban hành cho tới khi có hiệu lực trong thực tế là một quá trình rất dài và cần rất nhiều thủ tục. Đơn cử, theo Trung tâm Bảo tồn voi Đăk Lăk dù được tỉnh chấp thuận cấp kinh phí mua lại một cá thể voi nhà nhưng phải mất nhiều tháng thì số tiền mới được giải ngân và khi đó chủ sở hữu voi không đồng ý bán vì trượt giá.



Ảnh: Julie Larsen Maher/WCS

“Vừa làm bảo tồn voi vừa học”

Để bảo vệ quần thể voi Tây Nguyên đang chịu nhiều sức ép thì năm 2011, Đắk Lắk là địa phương đầu tiên trong cả nước có đơn vị chuyên trách về bảo tồn voi.

Đi vào hoạt động gần 10 năm nhưng cho đến nay Trung tâm Bảo tồn Voi vẫn phải “vừa làm vừa học” với hoạt động chính như: Chăm sóc sức khỏe và sinh sản của đàn voi nhà; Giám sát voi rừng; Chăm sóc 3 cá thể cứu hộ tại khu vực bán hoang dã.

Theo báo cáo của Trung tâm Bảo tồn Voi, nhân lực của Trung tâm hiện thiếu cả lượng (mới có 20 biên chế trên tổng số 41 được giao theo Đề án bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk) và chất (thiếu chuyên gia, bác sĩ chăm sóc voi có chuyên môn cao). Bảo tồn voi ở Việt Nam là một lĩnh vực mới, nên cho đến nay, các khoa đào tạo thú y tại Việt Nam vẫn chưa có giáo trình nào đi sâu nghiên cứu, giảng dạy về chuyên ngành thú lớn như voi. Cán bộ làm bảo tồn voi đều học qua thực hành, qua các lần chuyên gia nước ngoài sang chữa bệnh cho voi, hoặc qua các lớp tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài... Các trang thiết bị cần thiết để cứu hộ, chăm sóc voi như máy chiếu X-quang, súng gây mê, thuốc điều trị... đều phụ thuộc vào các bệnh viện, viện nghiên cứu ở các địa phương khác hoặc sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế. Mỗi khi voi gặp sự cố nghiêm trọng, nếu không nhờ được các chuyên gia và máy móc nước ngoài thì công tác cứu chữa, điều trị chỉ có thể thực hiện bằng phương pháp sẵn có, kém hiệu quả và ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của voi.



Ở nước ta hiện nay chưa có ngạch đào tạo chuyên sâu về chăm sóc và bảo tồn voi. Anh em chúng tôi đều là dân “tay ngang” được phiên qua từ các đơn vị khác. Người thì kiểm lâm, người thì cán bộ lâm nghiệp, có người đang là bác sĩ thú y, chuyên đi khám trị cho heo gà, trâu bò... bỗng chuyển qua làm bác sĩ... voi. Trong điều kiện như thế phải nói thật là vô cùng khó, chỉ có những người yêu voi, tâm huyết thật sự mới làm nổi.

Ông Huỳnh Trung Luân - Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Voi.





Ảnh: PanNature

Cần đẩy nhanh hoạt động bảo tồn voi trước khi quá muộn

Như phân tích ở trên, quần thể voi ở Việt Nam, cả hoang dã và voi nhà đều đang đối mặt với rất nhiều nguy cơ có thể dẫn đến việc suy giảm quần thể nhanh chóng, thậm chí là tuyệt chủng. Bảo tồn voi, vì vậy là vấn đề cấp bách và cần huy động nguồn lực để thực hiện một cách bài bản, đồng bộ, có hiệu quả và bền vững. Để bảo vệ và phát triển quần thể voi Tây Nguyên, một số hoạt động/giải pháp sau cần được ưu tiên thực hiện:

- Xét nghiệm mẫu phân để thống kê chi tiết các khu vực có voi ở Tây Nguyên nhằm xác định tương đối chính xác số lượng cá thể, cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi. Đồng thời, cần đánh giá tình trạng sinh cảnh và khả năng bảo tồn tại chỗ của các đàn voi. Áp dụng công nghệ hiện đại như đeo vòng cổ gắn chip điện tử để giám sát di chuyển của voi.
- Nghiên cứu khả năng thiết lập hành lang sinh cảnh liên kết vùng hoạt động của các đàn voi nhỏ, tính tới khả năng di dời các đàn/cá thể ở những địa phương khác trong nước có quá ít cá thể voi để bổ sung cho các đàn voi ở khu vực trọng điểm là VQG Yok Đôn - Ea Súp.

- Nghiên cứu tập tính di chuyển theo mùa, vùng hoạt động, chất lượng sinh cảnh (nơi trú ẩn, trữ lượng thức ăn, nguồn nước, nguồn khoáng, mức độ tác động). Voi là loài di cư nên cần soạn thảo và ký kết cơ chế bảo tồn xuyên biên giới giữa Việt Nam và Campuchia để đảm bảo quản lý hiệu quả hành lang di chuyển của chúng.
- Đánh giá mức độ xung đột và các nguyên nhân gây ra xung đột giữa voi và người, xây dựng các biện pháp hạn chế xung đột giữa voi và người. Tổng kết kinh nghiệm giải quyết xung đột giữa voi-người trên thế giới thành tài liệu hướng dẫn tiếng Việt và tuyên truyền cho người dân các khu vực thường xảy ra xung đột để giảm thiểu tối đa số vụ và thiệt hại. Có thể tính tới biện pháp xây hào, xây dựng hàng rào điện ngăn voi, chuyển đổi sang các giống cây trồng không thu hút voi... để hạn chế xung đột. Đồng thời thúc đẩy công tác tuyên truyền pháp luật để nâng cao ý thức bảo tồn của người dân.
- Bảo tồn sinh cảnh của voi nhằm bảo tồn và phát triển số lượng cá thể voi hoang dã hiện có tại tỉnh Đắk Lắk, đặc biệt cần giữ được nguyên vẹn 173.000 ha diện tích cư trú, di chuyển, kiếm ăn của quần thể voi này.
- Ngăn chặn các hành vi săn bắn, giết hại voi trái pháp luật thông qua việc đẩy mạnh thực thi pháp luật, xử lý thích đáng các hành vi săn bắt, buôn bán các sản phẩm và dẫn xuất của voi.
- Với đàn voi nhà, cần quy hoạch khu chăn thả, chăm sóc sức khỏe, sinh sản tại huyện Lắk (150 ha) và huyện Buôn Đôn (200 ha) - 2 huyện duy nhất còn phân bố voi nhà trong tỉnh.
- Tăng cường năng lực cứu hộ, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ sinh sản phát triển quần thể voi.

Câu chuyện thực tiễn về bảo tồn voi ở Tây Nguyên cho thấy sự cần thiết phải kết hợp đồng bộ các giải pháp một cách hiệu quả từ việc thắt chặt quản lý những cánh rừng tự nhiên là sinh cảnh của voi đến các hoạt động bảo tồn tại chỗ và tăng cường nâng cao nhận thức, huy động sự tham gia của cộng đồng cũng như các đối tác có liên quan... Bởi còn quá ít cá thể ngoài tự nhiên, tê giác một sừng đã tuyệt chủng tại Việt Nam vào năm 2011, mặc cho những nỗ lực của rất nhiều bên. Quần thể voi cũng chỉ còn khoảng trên dưới 100 cá thể ngoài tự nhiên và đang trên đường giảm số lượng nên vấn đề ưu tiên lúc này là cần đẩy nhanh các hoạt động bảo tồn để giữ gìn không chỉ một nguồn gen quý mà còn cả một biểu tượng văn hóa của vùng đất đại ngàn.

Cho đến nay, dự án bảo tồn voi Tây Nguyên nhận sự đóng góp của các tổ chức bảo tồn như Animals Asia Foundation (AAF), Elephant Care International, Wild Welfare, World Wild Fund for Nature (WWF), Vườn thú North Carolina, Vườn thú Rotterdam, Trung tâm Bảo tồn Voi Thái Lan. Một số dự án đã đạt được kết quả tích cực như WWF đã hỗ trợ Đắc Lắc như nghiên cứu số lượng voi hoang dã thông qua việc phân tích DNA mẫu phân, nghiên cứu tiềm khả thi hoạt động đeo vòng cổ có gắn thiết bị định vị để giám sát tập tính di chuyển theo mùa của voi hoặc dự án AAF hỗ trợ Vườn quốc gia Yok Đôn chuyển đổi mô hình du lịch trải nghiệm cùng voi thay vì cưỡi voi... (Trung tâm Bảo tồn Voi Đắc Lắc, 2019).



Ảnh: PanNature

Tài liệu tham khảo

Anh, N. Q. H. và Lê Quốc Thiện (2019) '*Công tác bảo tồn voi hoang dã ở Đắk Lắk*'. Nguồn: <http://nature.org.vn/vn/2019/11/tap-huan-bao-chi-khai-thac-de-tai-buon-ban-dvhd>.

Bảo Trung (2020) '*Voi con tử vong do voi mẹ khó sinh, Đắk Lắk lại “nóng” chuyện bảo tồn voi*', *Báo Lao Động*. Nguồn: <https://laodong.vn/xa-hoi/voi-con-tu-vong-do-voi-me-kho-sinh-dak-lak-lai-nong-chuyen-bao-ton-voi-782271.lido>.

Bộ NN&PTNT (2013) *Báo cáo Đề án Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020*.

Bộ NN&PTNT (2013) *Quyết định số 2329/QĐ-BNN-TCLN về việc phê duyệt dự án “Khẩn cấp bảo tồn voi và nâng cao năng lực kiểm soát buôn bán ngà voi ở Việt Nam đến năm 2020”*.

Bộ NN&PTNT (2018) *Báo cáo Kết quả thực hiện Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020”*.

Đàm Thuần (2012) '*Nhìn lại việc thực hiện chủ trương chuyển đổi rừng nghèo trồng cao su*', *Báo Đắk Lắk*. Nguồn: <http://baodaklak.vn/channel/3483/201212/nhin-lai-viec-thuc-hien-chu-truong-chuyen-doi-rung-ngheo-trong-cao-su-2206821/>.

Lam Quân (2019) '*Có một thị trường đen ngang nhiên buôn bán ngà voi*', *Báo Công an nhân dân*. Nguồn: <http://cstc.cand.com.vn/Phong-su-Tieu-diem/Co-mot-thi-truong-den-ngang-nhien-buon-ban-nga-voi-555093/>.

Nguyen, M., Indenbaum, R. và Willemsen, M. (2018) *From tusk to trinket: Persistent illegal ivory markets in Viet Nam*. doi: 10.13140/RG.2.2.19838.33605.

Nguyễn Tuấn Anh (2018) '*Chuyển đổi mô hình du lịch mới thân thiện với voi ở Đắk Lắk*', *Báo Đại Đoàn Kết*. Nguồn: <http://daidoanket.vn/moi-truong/chuyen-doi-mo-hinh-du-lich-moi-than-thien-voi-voi-o-dak-lak-tintuc409931>.

PanNature (2018) '*Động vật hoang dã Việt Nam: Cận kiệt và bị tận diệt*'. Hà Nội: Trung tâm Con người và Thiên nhiên. Nguồn: <http://nature.org.vn/vn/2018/12/ban-tin-chinh-sach-so-29-dvhd-viet-nam-can-kiet-va-bi-tan-diet>.

Sách Đỏ Việt Nam: Phần I – Động vật (2007). Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.

Thái Bá Dũng (2012) *‘Ba con voi rừng chết trong một tuần’*, *Báo Tuổi Trẻ*. Nguồn: <https://tuoitre.vn/3-con-voi-rung-chet-trong-1-tuan-485929.htm>.

Thái Bá Dũng (2016) *‘Loạt bài “Voi Tây nguyên kêu cứu”*’, *Báo Tuổi Trẻ*. Nguồn: <https://tuoitre.vn/voi-tay-nguyen-keu-cuu-ky-1-nhung-cai-chet-cua-voi-1219849.htm>.

Thái Bình (2019) *‘Vụ bắt ngà voi ở Đà Nẵng lớn nhất từ trước đến nay’*, *Báo Hải Quan*. Nguồn: <https://haiquanonline.com.vn/vu-bat-nga-voi-o-da-nang-lon-nhat-tu-truoc-den-nay-101980.html>.

Thủ tướng Chính phủ (2013) *Quyết định số 763/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ‘Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013 - 2020’*.

Trung tâm Bảo tồn Voi Đắk Lắk (2019) *Báo cáo công tác bảo tồn voi 2012-2019*. Đắk Lắk.

Trung Tân (2015) *‘Băm chặt rừng Tây Nguyên’*, *Báo Tuổi Trẻ*. Nguồn: <https://tuoitre.vn/bam-chat-rung-tay-nguyen-998605.htm>.

Trương Thúy Hằng (2015) *‘Voi Tây Nguyên - huyền thoại đang tắt’*, *Báo Biên phòng*. Nguồn: <http://www.bienphong.com.vn/voi-tay-nguyen-huyen-toai-dang-tat/>.

Văn Thành (2015) *‘Voi vẫn chết dù dự án Bảo tồn voi đã có’*, *Báo Công an nhân dân*. Nguồn: <http://cand.com.vn/Xa-hoi/Khan-cap-nhung-trien-khai-i-ach-349889/>.

Vigne, U. và Martin, E. (2016) *Vietnam’s Illegal Ivory Trade Threatens Africa’s Elephants*. Nairobi, Kenya. Nguồn: http://savetheelephants.org/wp-content/uploads/2016/07/2016_VietnamReportFINAL.pdf.

Võ, H. và Hoàng, V. (2019) *“Cuộc chiến chống buôn bán ngà voi”: Không mạnh tay, voi còn đỏ máu...’*, *Báo VietnamPlus*. Nguồn: <https://www.vietnamplus.vn/cuoc-chien-chong-buon-ban-nga-voi-khong-manh-tay-voi-con-do-mau/566293.vnp>.

WCS (2018) *Vi phạm về ĐVHĐ tại Việt Nam: Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm pháp luật về động vật hoang dã ở Việt Nam từ năm 2013 – 2017*. Hà Nội.



Trung tâm Con người và Thiên nhiên là tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện môi trường.



Địa chỉ: Số 24H2, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (024)3556-4001 | **Fax:** (024) 3556-8941

Email: contact@nature.org.vn | **Website:** www.nature.org.vn

Facebook: www.fb.com/PanNature/

Trang thông tin điện tử: www.thiennhien.net